

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày 11-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Thêm và bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Bùi Ngọc P, sinh năm: 1985 tại huyện S, tỉnh N; nơi tạm trú: tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 63, phường K, quận T, thành phố Đ; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1954 và bà Dương Thị H, sinh năm 1956; bị cáo có vợ là Trần Thị N (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2005 và con nhỏ sinh năm 2010; tiền sự: không.

Tiền án: ngày 20/6/2020 bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 03/02/2021.

Nhân thân: ngày 04/7/2010 bị Công an quận T, thành phố Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vi phạm các quy định phòng chống và kiểm soát ma túy” số tiền 350.000đ, bị cáo đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/9/2021 chuyển sang tạm giam từ ngày 17/9/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc P có luật sư Lê Văn A – Văn phòng luật sư Lê Văn A – Đoàn luật sư thành phố Đ; có mặt.

- Người làm chứng: Trần Phước A1, sinh năm: 1966; địa chỉ: tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 05 phút ngày 08/9/2021, tại quán cà phê Huỳnh Trang thuộc tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện S, tổ công tác PC04 Công an tỉnh N phát hiện bị cáo Bùi Ngọc P có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy nên yêu cầu P về Công an thị trấn Đ làm việc. Qua làm việc, bị cáo tự khai nhận đang cất giấu 05 gói ma túy đá tại mặt trong của dây thắt lưng quần của bị cáo đang mặc trên người. Tổ Công tác kiểm tra, phát hiện, thu giữ 05 gói ni lông bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; tiến hành thử nhanh xác định chất rắn dạng tinh thể thu giữ của bị cáo là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,91 gam. Công an tỉnh N tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ các đồ vật liên quan trong vụ án.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh N nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình làm việc, bị cáo khai nhận: vào ngày 05/9/2021, bị cáo thuê xe thồ đi đến quán cà phê (bị cáo không nhớ tên quán) tại đường tránh Vĩnh Điện thuộc thị xã Đ, tỉnh N. Tại đây bị cáo gặp người tên U (*không rõ họ tên, địa chỉ*) hỏi mua 01 gói ma túy với giá 1.500.000 đồng về để sử dụng. Sau khi mua ma túy xong, bị cáo đi về nhà tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện S. Sau đó bị cáo chia gói ma túy vừa mua được thành 08 gói nhỏ (mỗi ngày bị cáo sử dụng một gói). Đến khoảng 10 giờ ngày 08/9/2021, bị cáo dùng băng keo đen hai mặt dán 05 gói ma túy vào mặt trong dây thắt lưng quần màu nâu bị cáo đang mang trên người rồi đi uống cà phê ở quán Huỳnh Trang thuộc thị trấn Đ, huyện S. Khi đang ngồi uống cà phê thì Công an tỉnh N đến yêu cầu bị cáo về Công an thị trấn Đ làm việc vì có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình làm việc, bị cáo tự khai nhận bị cáo đang cất giấu 05 gói ma túy đá tại mặt trong của dây thắt lưng quần bị cáo đang mặc trên người. Công an tỉnh N tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang (*như đã nêu trên*). Ngoài ra bị cáo còn khai nhận trước đây (*không nhớ rõ thời gian*) còn mua ma túy của U hai lần, mỗi lần từ 1.000.000 đến 2.000.000 đồng về để sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 1051 ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: chất rắn màu trắng dạng tinh thể trong túi niêm phong gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine, khối lượng là 0,91 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 323 Nghị định 73/2018-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo P tại bản cáo trạng 38/CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2021 và trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; xử phạt bị cáo P từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (08/9/2021). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 1051/C09C-Đ2 của phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đ bên trong chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định; 01 dây thắt lưng màu nâu.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa thống nhất với nội dung bản cáo trạng, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo P. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, bị cáo đã ly hôn và trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đang còn nhỏ; bị cáo tàng trữ ma túy mục đích chỉ để sử dụng cho bản thân. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện hòa nhập cộng đồng, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa, bị cáo P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và thống nhất với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, quan điểm bào chữa của luật sư, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình sai trái, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 10 giờ 50 phút, ngày 08/9/2021 tại quán cà phê Huỳnh Trang thuộc thị trấn Đ, huyện S, tỉnh N, bị cáo Bùi Ngọc P đã có hành vi cất giấu 05 gói ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,91 gam vào mặt trong dây thắt lưng quần bị cáo đang mặc, nhằm mục đích để sử dụng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, đồng thời phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và Kết luận giám định số 1051 ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT 323 Nghị định 73/2018-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần có tác hại rất lớn đối với sức khỏe của con người và đời sống cộng đồng. Nhà nước cấm mọi hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy dưới mọi hình thức, người vi phạm sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được điều đó, nhưng để có ma túy sử dụng thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật tàng trữ trái phép ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra mới đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu và có 01 tiền án: ngày 20/6/2020 bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có vợ đã ly hôn và trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đang còn nhỏ, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, nhưng nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo P có nghề lái xe nhưng tình hình dịch bệnh Covid nên thu nhập không ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Những nội dung liên quan đến vụ án: Đối với người thanh niên tên U (không rõ họ tên, địa chỉ) mà bị cáo đã khai trước đó có 02 lần mua ma túy với số tiền từ 1.000.000đ – 2.000.000đ, nhưng quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ nên không có cơ sở xác minh, xử lý là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 1051/C09C-Đ2 của Phân viện KHHS tại thành phố Đ, bên trong là 0,82 gam chất rắn còn lại sau giám định, toàn bộ vỏ bao gói và 01 dây thắt lưng màu nâu, do đây là những vật cấm lưu hành và hiện không còn giá trị sử dụng.

[8] Về án phí: bị cáo Bùi Ngọc P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Quan điểm của người bào chữa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: bị cáo Bùi Ngọc P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: bị cáo Bùi Ngọc P 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/9/2021.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 1051/C09C-Đ2 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đ, bên trong là 0,82 gam chất rắn còn lại sau giám định, toàn bộ vỏ bao gói và 01 dây thắt lưng màu nâu.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 02/12/2021)

3. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Bùi Ngọc P phải chịu là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11-01-2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- VKSND huyện S;
- Văn phòng Công an huyện S;
- Cơ quan CSĐT CA huyện S;
- Phòng hồ sơ CA huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Sen